

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN HÀ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2012/NQ-HĐND

Sơn Hà, ngày 16 tháng 7 năm 2012

NGHỊ QUYẾT

**Thực hiện Đề án Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội,
phấn đấu giảm nghèo nhanh và bền vững huyện Sơn Hà
giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN SƠN HÀ
KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Trên cơ sở xem xét các báo cáo và Tờ trình số 65/TTr - UBND ngày 06 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân huyện Sơn Hà, về việc đề nghị phê chuẩn nghị quyết thực hiện Đề án Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, phấn đấu giảm nghèo nhanh và bền vững huyện Sơn Hà giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020 và Báo cáo thẩm tra của Ban KTXH của HĐND huyện;

Đại biểu HĐND huyện thảo luận và quyết nghị,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch thực hiện Đề án Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, phấn đấu giảm nghèo nhanh và bền vững huyện Sơn Hà giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020; Hội đồng nhân dân huyện khoá X, kỳ họp thứ 3 xác định:

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Mục tiêu: Tập trung huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường và nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng thiết yếu; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống các dân tộc; bảo vệ môi trường sinh thái; bảo đảm quốc phòng, an ninh; phấn đấu đến năm 2020 đưa huyện Sơn Hà thoát khỏi tình trạng huyện nghèo.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

a) Về phát triển kinh tế:

- Tổng giá trị sản xuất (giá cố định 1994) đến năm 2015: 745 tỷ đồng (trong đó: ngành nông, lâm, ngư nghiệp 335 tỷ đồng; ngành công nghiệp- xây dựng 300 tỷ đồng;

ngành thương mại- dịch vụ 110 tỷ đồng). Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân giai đoạn 2011-2015 là 16-17%/năm, giai đoạn 2016- 2020 là 18%.

- Cơ cấu kinh tế chuyên dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ. Đến năm 2015 đạt cơ cấu: Nông, lâm, thủy sản 44%; Công nghiệp- xây dựng 40%; Thương mại- dịch vụ 16%.

- Phần đầu đến năm 2015, 14/14 xã, thị trấn đường giao thông từ huyện đến trung tâm các xã, thị trấn được mở rộng, nâng cấp theo tiêu chuẩn của Bộ giao thông; đường đến các thôn, bản được đầu tư xây dựng và từng bước kiên cố hóa; xây dựng thị trấn Di Lăng đạt tiêu chí đô thị loại V. Đến năm 2020, các công trình hạ tầng được đầu tư xây dựng đồng bộ, chú trọng kiên cố hóa kênh mương thủy lợi.

- Đến năm 2013 hoàn thành công tác giao đất, giao rừng cho tổ chức, hộ gia đình quản lý, bảo vệ. Tỷ lệ che phủ rừng trên toàn huyện vào năm 2015 đạt 50%;

- Đến năm 2015, thu ngân sách trên địa bàn đạt và vượt chỉ tiêu của tỉnh giao hàng năm, tốc độ tăng trưởng bình quân 17,9%/năm; thu nhập bình quân đầu người theo giá trị sản xuất (tính theo giá thực tế) đạt trên 23 triệu đồng/năm.

b) Về phát triển văn hóa - xã hội:

- Giải quyết việc làm cho lao động nông thôn bình quân 1.200 lao động. Từng bước nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề, tập huấn đến năm 2015 đạt 35%, đến năm 2020 đạt 50%, giảm tỷ lệ lao động nông, lâm, ngư nghiệp xuống còn 75% năm 2015 và còn 65% năm 2020.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân từ 5-8%/năm theo quy định hiện hành, đến năm 2015 còn 30%, đến năm 2020 còn dưới 15%. Đảm bảo từ 85- 90% hộ nghèo được vay vốn với lãi suất ưu đãi để phát triển sản xuất, chăn nuôi.

- Phần đầu từ 90- 95% số hộ nghèo có nhà ở tạm, xiêu vẹo không có khả năng tự làm nhà thì được Nhà nước hỗ trợ kinh phí làm nhà ở.

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giai đoạn 2011-2015 là 0,9%; tiếp tục duy trì đến năm 2020 đạt 0,9%.

- Đến năm 2015, toàn huyện có 58 trường, tổng số học sinh ra lớp 18.830 học sinh; mở rộng loại hình trường, lớp nội trú dân nuôi tại 14 xã, thị trấn; có từ 17-20% số trường đạt chuẩn quốc gia. Huy động học sinh các cấp học ra lớp: mầm non đạt 95%, tiểu học đạt 100%, trung học cơ sở trên 95% và trung học phổ thông trên 80%; tiếp tục duy trì đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở 14/14 xã, thị trấn; năm 2013 phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; đảm bảo tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở mỗi năm trên 95%.

- Tiếp tục thực hiện đề án bồi dưỡng, đào tạo, đào tạo lại cán bộ công chức cấp huyện, cấp xã theo từng chức danh quy định. Phần đầu đến năm 2015 có 75% công chức cấp xã đạt chuẩn; 90% cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp xã có trình độ trung cấp, cao đẳng,

đại học chuyên môn và 90% có trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên; 100% công chức cấp huyện đạt tiêu chuẩn chức danh theo quy định.

- Phân đầu đến năm 2015 có trên 33 giường/01 vạn dân; có 20-30% số trạm y tế có từ 02 bác sĩ trở lên và có 7/14 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; 100% hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, trẻ em dưới 6 tuổi, đối tượng BTXH có thẻ BHYT.

- Đến năm 2015, số hộ được sử dụng điện lưới quốc gia 95%; số hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh ở thành thị là 90%, ở nông thôn là 85%.

- Đến năm 2015, toàn huyện có 75% hộ gia đình văn hoá, 70% thôn văn hoá, cơ quan, trường học đạt 95% trở lên và 100% thôn có điểm sinh hoạt cộng đồng vào năm 2020. Số hộ được xem truyền hình vào năm 2015 đạt 95%.

c) Về quốc phòng - an ninh:

- Đến năm 2015, xây dựng 100% xã, thị trấn đạt danh hiệu vững mạnh về quốc phòng, an ninh (trong đó: vững mạnh toàn diện đạt 50-55%). Đến năm 2020 duy trì 100% xã, thị trấn đạt danh hiệu vững mạnh về quốc phòng, an ninh (trong đó: vững mạnh toàn diện đạt 55-60%).

- Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ giai đoạn 2011 - 2015 ổn định từ 1,3- 1,5% dân số, đến năm 2020 trên 1,5% dân số.

- Xây dựng công an xã bảo đảm về số lượng, chất lượng, phân đầu đến năm 2015 trưởng, phó công an xã có trình độ trung học phổ thông và công an viên có trình độ trung học cơ sở; đến năm 2020 trưởng, phó công an xã có trình độ trung cấp công an.

- Xây dựng Ban CHQS xã, thị trấn bảo đảm về số lượng, chất lượng, phân đầu đến năm 2015 chỉ huy trưởng, chỉ huy phó BCHQS xã có trình độ trung học phổ thông và lực lượng DQTV có trình độ trung học cơ sở; đến năm 2020 trưởng, phó BCHQS xã, thị trấn có trình độ trung cấp quân sự.

II. CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Khai thác, phát huy tối đa các tiềm năng, nguồn lực, đẩy mạnh phát triển kinh tế, tăng khối lượng và giá trị sản phẩm hàng hoá

a) Phát triển lâm nghiệp, nông nghiệp giữ vai trò đặc biệt quan trọng, là tiền đề để phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xây dựng nông thôn mới và giải quyết tốt vấn đề nông dân, nông thôn miền núi, đảm bảo phát triển theo hướng bền vững

- Tập trung chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện của vùng; xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung, chuyên canh phục vụ công nghiệp chế biến; tiếp tục thực hiện và hoàn thành công tác giao đất, giao rừng vào năm 2013.

- Hướng dẫn nông dân tiếp cận các nguồn vốn tín dụng, tập huấn chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật; nâng cao chất lượng xây dựng và chuyển giao các mô hình sản xuất theo hướng sản xuất hàng hoá.

- Thực hiện xây dựng nông thôn mới, trước hết tập trung ở 3 xã: Sơn Thành, Sơn Kỳ, Sơn Hạ; phấn đấu đến năm 2015 có 3 xã đạt chuẩn quốc gia về nông thôn mới và đến năm 2020 có 7 xã.

b) Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phù hợp với tiềm năng, lợi thế của miền núi, trọng tâm là công nghiệp chế biến nông, lâm sản

- Phát triển công nghiệp khai khoáng theo quy hoạch; quản lý chặt chẽ, sử dụng hợp lý khoáng sản; đảm bảo môi trường sinh thái và an sinh xã hội.

- Xây dựng một số cơ sở công nghiệp chế biến nông, lâm sản; củng cố, phát triển các cơ sở tiểu thủ công nghiệp theo hướng kết hợp hài hòa nhiều loại quy mô, trình độ công nghệ thích hợp, có lợi thế sử dụng nguồn nguyên liệu và lao động tại chỗ. Phục hồi, phát triển các làng nghề thủ công truyền thống.

c) Đẩy mạnh phát triển các loại hình dịch vụ; chú trọng phát triển du lịch ở những nơi có điều kiện

- Đầu tư và nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở thương mại, dịch vụ, chợ trung tâm huyện, chợ các xã, các cụm xã theo quy hoạch. Ưu tiên phát triển các loại hình dịch vụ: tín dụng, ngân hàng, thông tin - truyền thông, vận tải, dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp... phù hợp với đặc điểm, tính chất của từng vùng.

- Quy hoạch phát triển du lịch giai đoạn 2011- 2015 và định hướng đến năm 2020; có cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư phát triển các loại hình du lịch, phấn đấu đến năm 2020, phát triển ngành dịch vụ của huyện trở thành trung tâm dịch vụ của khu vực các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi. Trước mắt, tập trung xây dựng khu du lịch sinh thái hồ Nước Trong, Đâu mối lòng hồ Thạch Nham; hồ thủy điện Di Lăng; đồng thời coi trọng việc bảo vệ, tôn tạo cảnh quan, môi trường sinh thái và truyền thống lịch sử - văn hoá.

d) Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

- Định hướng phát triển đô thị của huyện Sơn Hà là hình thành các tụ điểm kinh tế: Di Lăng, Sơn Hạ; Sơn Hải và Sơn Thượng, trong đó: lấy thị trấn Di Lăng là trung tâm và phát triển hệ thống đô thị theo các tuyến giao thông chính; trước hết là trên các trục Quốc lộ 24B (đường 623, 626 cũ).

- Tập trung xây dựng và phát triển trung tâm kinh tế, xã hội của huyện; thị trấn Di Lăng được xây dựng thành trung tâm kinh tế văn hóa miền núi của tỉnh Quảng Ngãi, đến năm 2020 đạt một số tiêu chí cơ bản của đô thị loại IV.

- Phát triển công nghiệp chế biến, dịch vụ tại Sơn Hạ, là tụ điểm kinh tế phía đông của huyện. Cụm công nghiệp Sơn Hải, Sơn Thượng phát triển công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp, làng nghề để thu hút đầu tư phát triển công nghiệp, tạo thành các vệ tinh của thị trấn Di Lăng.

- Tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông miền núi; hạ tầng y tế, văn hóa, thể dục, thể thao theo quy hoạch.

2. Đẩy mạnh phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân

a) Phát triển giáo dục - đào tạo, nâng cao dân trí

- Tiếp tục thực hiện đổi mới phương pháp dạy và học; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; giảm tối đa tình trạng học sinh bỏ học. Đến năm 2015, 100% xã, thị trấn hoàn thành và duy trì bền vững kết quả phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

- Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học, nâng cao trình độ giáo viên; tiếp tục thực hiện xã hội hoá giáo dục và đa dạng hoá các hình thức đào tạo.

- Hình thành hệ thống trường học bán trú; nâng cao chất lượng dạy và học của trường dân tộc nội trú huyện, thực hiện tốt chế độ hỗ trợ kinh phí cho các em trong độ tuổi đi học.

b) Về phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng Chương trình về phát triển nguồn nhân lực của huyện giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020, trong đó: tập trung bồi dưỡng, đào tạo, đào tạo lại đội ngũ cán bộ các cấp.

- Tiếp tục thu hút sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng về công tác ở địa bàn huyện theo Đề án đào tạo, tuyển chọn, chuẩn hoá cán bộ chủ chốt xã, thị trấn đến năm 2020; thực hiện luân chuyển cán bộ trẻ có năng lực về công tác tại các xã.

- Đẩy mạnh công tác dạy nghề cho lao động nông thôn, từng bước đa dạng hóa hình thức và xã hội hóa công tác dạy nghề.

c) Tăng cường chăm sóc sức khỏe nhân dân, thực hiện tốt công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình và trẻ em

- Tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao năng lực phục vụ, khám chữa bệnh của các cơ sở y tế trong huyện; chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ y tế cơ sở; tăng số bác sỹ về công tác tại các trạm y tế xã. Thực hiện công tác xã hội hóa về y tế nhằm giảm bớt sự quá tải đối với các cơ sở y tế công lập.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông về dân số, kế hoạch hóa gia đình; tăng cường chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em.

d) Thực hiện có hiệu quả công tác dân tộc, tôn giáo; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân

- Tổ chức thực hiện tốt các chính sách và tăng cường quản lý nhà nước đối với công tác dân tộc, tôn giáo; phát động mạnh mẽ các phong trào thi đua yêu nước; củng cố khối đoàn kết dân tộc, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong việc triển khai thực hiện các chính sách, chương trình, dự án đầu tư, hỗ trợ vào lĩnh vực văn hóa, thông tin, thể thao và du lịch.

- Tiếp tục đẩy mạnh "Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" gắn với bảo tồn, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số, kết hợp hài hòa giữa các giá trị văn hóa truyền thống với các giá trị văn hóa hiện đại.

đ) Đẩy mạnh công tác giảm nghèo, thực hiện tốt các chính sách xã hội, bảo đảm an sinh xã hội

- Thực hiện đồng bộ, toàn diện và hiệu quả các chương trình, dự án theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ. Triển khai thực hiện các chương trình, dự án giảm nghèo phải có sự tham gia giám sát của các hội đoàn thể và người dân; nâng cao vai trò và phát huy nỗ lực của mỗi người dân và hộ gia đình trong quá trình thực hiện chương trình giảm nghèo.

- Thực hiện rà soát, bình xét hộ nghèo hàng năm đúng quy định, có biện pháp hỗ trợ cho người dân xóa nghèo bền vững, chống nguy cơ tái nghèo.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách đối với người có công với cách mạng và các chính sách xã hội, an sinh xã hội.

e) Đẩy mạnh công tác bảo vệ môi trường

- Thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm, quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất, chống các hành vi hủy hoại đất.

- Quy hoạch đô thị, khu dân cư đồng thời với quy hoạch bảo vệ môi trường, xây dựng hệ thống xử lý chất thải, nước thải đồng bộ; đảm bảo rác thải y tế được thu gom, xử lý đúng quy định.

3. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho tăng trưởng và phát triển kinh tế

Tổ chức tốt phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc; rà soát, kiện toàn, củng cố lực lượng ở cơ sở như: công an, dân quân tự vệ xã, tổ an ninh nhân dân và lực

lượng nòng cốt, cốt cán của các đoàn thể, người có uy tín trong đồng bào dân tộc; bảo đảm hoạt động gắn kết đồng bộ, phối hợp tốt trong việc nắm tình hình vận động quần chúng, kịp thời giải quyết, xử lý có hiệu quả những vấn đề phức tạp nảy sinh, không để xảy ra điểm nóng; xây dựng thế trận quốc phòng - an ninh vững chắc trong mọi tình huống, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

III. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch

- Tiếp tục rà soát, xây dựng, sửa đổi và bổ sung các quy hoạch ngành, lĩnh vực trên địa bàn các xã, thị trấn phù hợp với định hướng trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Tổ chức quản lý, thực hiện tốt các quy hoạch đã được phê duyệt, bảo đảm cho việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được đồng bộ và đạt hiệu quả cao.

- Trong năm 2012, tập trung đẩy mạnh thực hiện quy hoạch sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và bố trí dân cư đến năm 2020; rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch ngành, lĩnh vực, sản phẩm; hoàn thành quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, cấp xã thời kỳ 2011 - 2020 và kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2011 - 2015.

2. Khắc phục tư tưởng trông chờ ỷ lại, nâng cao khả năng tự chủ của người dân trong tổ chức sản xuất và đời sống

- Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục để nhân dân trong huyện, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số có ý thức, kiến thức, kỹ năng về sản xuất và tổ chức đời sống; khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại; biết khai thác các tiềm năng, nguồn lực tại chỗ; biết tiếp cận, thụ hưởng các chính sách, nguồn lực hỗ trợ của nhà nước, của các doanh nghiệp; biết chăm sóc sức khỏe bản thân, gia đình, cộng đồng; biết tiết kiệm trong tiêu dùng, tích lũy tái sản xuất để vươn lên thoát nghèo bền vững và xây dựng cuộc sống văn minh, gia đình hạnh phúc.

- Chính quyền phối hợp với mặt trận và đoàn thể các cấp có hình thức thích hợp để tôn vinh những hộ nghèo vươn lên làm giàu, các tổ chức, cá nhân giúp đỡ các hộ thoát nghèo và biểu dương kịp thời những hộ nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững.

3. Giải pháp nguồn nhân lực

- Quy hoạch, đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp huyện, cấp xã theo quy hoạch; xây dựng và ban hành tiêu chuẩn cho từng chức danh cán bộ. Đào tạo lực lượng lao động kỹ thuật để cung cấp cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Xây dựng kế hoạch và chính sách ưu đãi để đào tạo theo hình thức cử tuyển, đào tạo theo địa chỉ đối với học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh phổ thông.

- Thực hiện cơ chế thu hút đối với lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật về

làm việc tại huyện; kịp thời tôn vinh, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có sáng tạo, sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh; sử dụng hiệu quả và hợp lý lực lượng lao động đã qua đào tạo.

4. Giải pháp về cơ chế, chính sách

- Tăng cường năng lực quản lý nhà nước đối với chính quyền địa phương; nâng cao chất lượng công tác kế hoạch, xây dựng và thẩm định các chương trình, dự án đầu tư để nâng cao hiệu quả khi thực hiện. Đẩy mạnh công tác kiểm tra và giám sát trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội và an ninh-quốc phòng; tăng cường công tác quản lý ngân sách, tiếp tục cải cách hành chính, đặc biệt là thủ tục hành chính.

- Xây dựng chính sách thu hút đầu tư, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cơ sở chế biến nông, lâm sản; chuyển giao khoa học - kỹ thuật, giống cây trồng, vật nuôi, phát triển sản xuất, kinh doanh, mạng lưới dịch vụ thu mua sản phẩm và cung ứng vật tư hàng hoá.

- Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các cơ chế, chính sách, chương trình, dự án của Trung ương, tỉnh đối với miền núi.

5. Giải pháp về vốn và sử dụng nguồn vốn

- Phát huy hiệu quả nguồn vốn Ngân sách nhà nước, vốn của các doanh nghiệp, vốn trong dân, vốn liên doanh, liên kết, vốn tín dụng,...

- Tranh thủ các nguồn vốn ODA, FDI, NGO và vốn tài trợ khác; đồng thời kêu gọi, động viên và khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ người dân phát triển sản xuất, tạo việc làm nâng cao đời sống.

- Khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải, hiệu quả thấp; quản lý, sử dụng các nguồn vốn theo đúng quy định của Nhà nước, chú ý sử dụng lồng ghép các nguồn vốn nhằm phát huy hiệu quả đầu tư.

6. Giải pháp khoa học, công nghệ và môi trường

- Chú trọng triển khai công tác ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; xây dựng và nhân rộng mô hình sản xuất có hiệu quả phù hợp với điều kiện trên địa bàn huyện.

- Thực hiện tốt công tác giám sát, kiểm tra môi trường; xây dựng quy chế quản lý chất thải, quản lý ô nhiễm. Các dự án đầu tư cần phải có khoản chi phí thực hiện việc xử lý ô nhiễm môi trường theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các ban của Hội đồng nhân dân huyện và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Sơn Hà khóa X kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 12/7/2012 và có hiệu lực sau 7 ngày kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái